



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 48/2024

(26/11/2024 – 02/12/2024)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, thị trường ảm đạm nhuộm sắc đỏ cả tuần qua, chỉ số BDI giảm thêm 231 điểm (tương đương 15,1%) hiện chỉ còn 1.298 điểm (giảm 36% so với đầu tháng 10). Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc như sau: Capesize giảm 24,49%, Panamax giảm 5,5%, Supramax và Handysize giảm lần lượt 0,5% và 1,6%. Những tuần qua, cước thuê tàu giảm liên tiếp do nhu cầu tiêu dùng suy yếu hơn kỳ vọng (đặc biệt ở thị trường tỷ dân như Trung Quốc-Ấn Độ) nên nhu cầu hàng hóa chuyên chở lúc này thấp, danh sách tàu nằm chờ nhiều gia tăng áp lực lên cước thuê. Nhìn sang thị trường mua bán, nhiều người Mua đang chân chừ vì muốn quan sát xem mặt bằng giá tham chiếu đã ổn định chưa hay còn tiếp tục điều chỉnh. Tuần trước, phân khúc Supramax đã chiếm tiêu điểm với 7 tàu bán thành công thì nay hoàn toàn vắng bóng. Trong khi đó, nhiều giao dịch tàu Handysize được ghi nhận hơn. Tàu **Four Nabucco** (34.403 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD/SS 05/2025) được chủ tàu Ý chốt với giá khoảng 11,8 triệu đô la Mỹ. Mức này hơi mềm một chút so với tàu chị em **Four Ottelo** (34.357 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD/SS 06/2025) đã bán tháng trước (enbloc với một tàu khác) giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ. Đối với tàu 33k dwt đóng Nhật, Chủ tàu Hy Lạp vừa bán thành công tàu **Aegean Spire** (33.401 dwt, đóng 2008, hầm hàng hộp, DD/SS 09/2025) với giá 11,8 triệu đô la Mỹ. Cách đây hơn 2 tháng, tàu tương tự **Elegant Emilie** (33.248 dwt, đóng 2008 Nhật, hầm hàng hộp, DD/SS 09/2025) được chốt với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ (giá cao hơn hiện tại 5,6%). Các tàu vừa liệt kê trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, vẫn tiếp tục là một tuần lễ áp lực. Ở mảng thuê tàu, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) đã giảm từ 705 điểm xuống 620 điểm (-12%) còn chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) giảm từ 905 điểm xuống còn 890 điểm (-1,65%). Đối với thị trường mua bán tàu, các giao dịch tuần qua tiếp tục ghi nhận nhỏ giọt. Chủ tàu Na Uy chốt tàu J19 **Songa Breeze** (19.999 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn và máy lọc khí (scrubber), DD 01/2027, SS 02/2029) với giá khoảng 24,8 triệu đô la Mỹ. Được biết tàu vẫn còn hạn cho thuê đến gần giữa năm 2026. Hai tháng trước, tàu chị em **Songa Peach** (19.992 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn và máy lọc khí (scrubber)) bán tháng 9 vừa qua với giá mềm khoảng 23,8 triệu đô la Mỹ do đến hạn lên đà DD/SS 11/2024.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
K. Confidence	2013	Japan	181,488	34.50	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD 10/2025, SS 01/2028

K. Victory	2012	Japan	181,500	33.50	Chinese	BWTS & scrubber fitted, DD 07/2025, SS 07/2027
Blue Lhotse	2011	Korea	180,132	28.80	Korean	BWTS fitted, DD/SS 03/2026
Cape Dream	2011	Korea	179,250	28.00	Greek	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 06/2026
Otsl Artemis	2008	China	177,736	24.50	Greek	BWTS fitted, DD 04/2026, SS 11/2028
Hellenic C	2014	China	81,805	20.00	Undisclosed	DD 12/2027, SS 09/2029
MH Sandefjord	2023	China	63,145	32.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 05/2026, SS 05/2028
MH Oslo	2023	China	63,050	32.50		Scrubber fitted, DD 01/2026, SS 01/2028
Sagar Ratan	2010	Japan	61,664	20.00	Chinese	Old sale 10/2024, BWTS fitted, DD/SS 08/2025
Guo Yuan 9	1994	Denmark	48,218	4.20	Undisclosed	Bank sale, class withdrawn
Four Nabucco	2010	Korea	34,403	11.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 05/2025, Italian owners
Global Aglaia	2016	Japan	33,158	19.70	Japanese	OHBS, BWTS fitted, DD/SS 01/2026, Japanese owners
Aegean Spire	2008	Japan	33,401	11.80	Undisclosed	OHBS, BWTS fitted, DD/SS 09/2025, Greek owners
Uni Challenge	2012	Yangzhou Nakanishi, China	29,078	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 04/2027, HK-based owners
Victoria Harbour	2011	Yangzhou Nakanishi, China	29,100	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 06/2026, HK-based owners
Apollo Stella	2012	Japan	12,300	7.20	Undisclosed	Tween decker, DD due 02/2025, SS 01/2027, Japanese owners
TANKERS						
Maran Aries	2006	Korea	320,871	45.00	Chinese	Scrubber fitted, DD/SS 10/2025
Evagoras	2003	Korea	165,209	25.00	Undisclosed	DD 06/2026, SS 03/2028
Songa Breeze	2009	Japan	19,999	24.80	Undisclosed	Incl the balance of TC to Bahri until 04-05/2026 at US\$20,25pd, BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD 01/2027, SS 02/2029
CONTAINERS						
Intersea Traveler	2008	Germany	38,061	22.50	Chinese	2702 teu, BWTS fitted, ice class II, DD 06/2011, SS 09/2028

Benedikt

2006

China

13,734

5.70

Lithuanian,
Limarko UabOld sale 10/2024,
1118 teu, fully
cellular, BWTS
fitted, CR 2X45T,
ice class II, DD/SS
passed 10/2024

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		11/ 2024	1M	3M	6M	12M				11/ 2024	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							VLCC								
180k dwt	Resale	76.00	-1%	-1%	-1%	13%	57.75	310k dwt	Resale	149.00	0%	3%	3%	17%	107.25
180k dwt	5 tuổi	63.00	-2%	-1%	-1%	24%	41.75	310k dwt	5 tuổi	116.00	0%	1%	1%	17%	81.25
170k dwt	10 tuổi	44.00	-2%	-1%	-1%	42%	29.25	250k dwt	10 tuổi	86.00	0%	2%	2%	15%	57.25
150k dwt	15 tuổi	28.00	-2%	-3%	-3%	33%	18.75	250k dwt	15 tuổi	58.00	-2%	-4%	-4%	-3%	40.50
PANAMAX							SUEZMAX								
82k dwt	Resale	40.25	-2%	-9%	-6%	2%	35.75	160k dwt	Resale	99.00	0%	1%	1%	3%	74.25
82k dwt	5 tuổi	35.00	-3%	-10%	-8%	6%	29.00	150k dwt	5 tuổi	80.00	0%	-4%	-4%	1%	57.00
76k dwt	10 tuổi	25.25	0%	-14%	-11%	5%	20.00	150k dwt	10 tuổi	65.00	0%	-5%	-5%	4%	41.50
74k dwt	15 tuổi	16.25	0%	-14%	-14%	2%	13.50	150k dwt	15 tuổi	46.50	0%	-2%	-2%	10%	26.50
SUPRAMAX							AFRAMAX								
62k dwt	Resale	39.50	-4%	-4%	-5%	5%	33.50	110k dwt	Resale	84.00	0%	-1%	-1%	1%	61.50
58k dwt	5 tuổi	34.00	-5%	-7%	-6%	11%	24.50	110k dwt	5 tuổi	69.00	-3%	-4%	-4%	-3%	47.50
56k dwt	10 tuổi	24.25	-3%	-12%	-12%	21%	18.00	105k dwt	10 tuổi	55.00	-1%	-8%	-8%	-1%	34.50
52k dwt	15 tuổi	15.75	-2%	-2%	-5%	11%	12.25	105k dwt	15 tuổi	37.500	-1%	-9%	-6%	1%	22.50
HANDYSIZE							MR								
37k dwt	Resale	34.50	0%	0%	0%	3%	28.00	52k dwt	Resale	57.00	-2%	2%	5%	8%	42.75
37k dwt	5 tuổi	27.00	-2%	-4%	-4%	2%	21.50	52k dwt	5 tuổi	47.00	-4%	-4%	1%	5%	33.75
32k dwt	10 tuổi	19.50	-3%	-5%	-5%	11%	14.50	45k dwt	10 tuổi	37.00	-8%	-8%	-4%	7%	24.00
28k dwt	15 tuổi	12.50	0%	-4%	-4%	14%	9.00	45k dwt	15 tuổi	26.00	-5%	-11%	-6%	2%	15.75

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LPG	5,000 cbm	Undisclosed	1	Meghna Shipbuilders & Dockyard, Bangladesh	Meghna Group	2026	
Tanker	115,000 dwt	75.00	2	New Times	Zodiac Maritime		Price per unit, LNG duel fuel
Tanker	65,000 dwt	Undisclosed	4	GSI	Nanjing Tanker	SH 2027/FH 2028	Crude carriers
Tanker	50,000 dwt	Undisclosed	2	Jiangsy Dayang Offshore	Yangpu Zhongxin	End 2026/FH 2027	
Bulker	64,000 dwt	46.50	2	Nihon Shipyard	Pacific Basin	From 2028	Price per unit
Bulker	45,000 dwt	Undisclosed	3	Jiangsu Newyangzi	Navibulgar	SH 2027	
Bulker	32,000 dwt	Undisclosed	3	Jiangsu Newyangzi	Navibulgar	Nov 2026	
Container	16,000 teu	196.40	4	Samsung	Wan Hai Lines	End 2027	Price per unit
Container	7,900 teu	109.00	4	Samsung	HJSC, Korea	Q3 2026/Q4 2027	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/ 2024	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	76.0	-0.65%	4.83%	8.57%	16.92%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	-1.18%	-1.18%	-1.18%	2.44%
Supramax (61.000 dwt)	39.0	0.00%	0.00%	1.30%	5.41%
Handysize (37.000 dwt)	34.5	0.00%	0.00%	0.00%	4.55%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/ 2024	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	129.0	0.00%	-0.77%	0.00%	0.78%
Suezmax (170.000 dwt)	90.00	0.00%	0.00%	4.05%	5.26%
A.max (115.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	4.17%	8.70%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	1.96%	7.22%	9.47%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình tuần qua của hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** đóng cửa ở mức 12.384 đô la Mỹ, giảm nhẹ 54 đô la Mỹ so với mức 12.438 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Hoa Kỳ và Nam Đại Tây Dương hoạt động tích cực hơn trước kỳ nghỉ lễ Tạ ơn vào thứ Năm. Hầu hết các hoạt động vận chuyển hàng hoá diễn ra trên Đại Tây Dương, mặc dù khu vực Continent-Địa Trung Hải chịu áp lực do thiếu hàng hoá dẫn đến cước giảm. Khu vực Thái Bình Dương - Tây Ấn Độ Dương tương đối ổn định với mức cước tiếp tục được duy trì, tuy nhiên, Nam Phi đón nhận một vài điểm tích cực với giá cước tăng. Ở Thái Bình Dương, thị trường có số liệu tốt ở phía Nam do nguồn cung than đá ở Indonesia dồi dào, trong khi đó phía Bắc vẫn đang trầm lắng. Phía Bắc Thái Bình Dương, nhiều tàu neo đậu gặp khó khăn trong kế hoạch chốt được mức cước tốt hơn, Clipper chốt tàu **Genco Auvergne** (58.020 dwt, đóng 2009) đi từ Dalian (04-08/12) qua Bắc Trung Quốc và trả tàu ở Vịnh Ả Rập, dự tính chờ thép với giá khoảng 8.500 đô la Mỹ, cùng lúc có tàu **Josco Guizhou** (61.307 dwt, đóng 2020) được Olam chốt qua Busan vượt Bắc Thái Bình Dương đến Philippines với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Nhu cầu chở than đá ở Đông Nam Á tăng, tàu **SJ Colombo** (55.989 dwt, đóng 2010) được chốt ESM đi từ Vũng Tàu (02-03/12) qua Indonesia chở than đến Trung Quốc với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ. Ghi nhận nhiều hoạt động ở phía Nam Ấn Độ Dương, MOL chốt tàu **Bright Falcon** (63.307 dwt, đóng 2019) đi từ Maputo (10-15/12) và trả tàu ở Trung Quốc với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ cộng thêm 180.000 đô la Mỹ chi phí ballast, JVS chốt tàu **BBG Chongzuo** (61.185 dwt, đóng 2022) đi từ Port Elizabeth (10-15/12) trả tàu ở Bờ Đông Ấn Độ với giá khoảng 15.500 đô la Mỹ cộng thêm 155.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Norden chốt tàu **Van Hui** (63.879 dwt, đóng 2023) đi ngay từ Durban chở hàng qua Saldanha đến Bờ Đông Ấn Độ- Trung Quốc với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ cộng thêm 160.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Nhiều thương vụ được chốt trước kỳ nghỉ lễ của Mỹ vào thứ Năm, tàu **CP Nanjing** (63.526 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Mobile (04-06/12) chở hàng đến Đông Nam Mỹ với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ, tàu **Port Vera Cruz** (63.558 dwt, đóng 2017) được ETG chốt chở hàng rời từ Vịnh Hoa Kỳ (05-10/12) và trả tàu ở Tây Ban Nha với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ. Tàu **Xin Zheng Sea** (64.128 dwt, đóng 2024) được chốt đi từ Lagos (22-23/12) chở hàng từ Brazil đến Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ.

Thị trường **Handies** lại tiếp tục một tuần trầm lắng với ít các chuyến tàu trên khắp các khu vực. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 11.865 đô la Mỹ, giảm 190 đô la Mỹ so với mức 12.055 đô la Mỹ của tuần trước. Khu vực Continent-Địa Trung Hải thiếu nhu cầu chở hàng mới gây áp lực lên mức cước, các chủ tàu phải chạy ballast để tìm chuyến hàng. Ở Nam Đại Tây Dương, thị trường nhìn chung khá ổn định, các chuyến vượt đại dương vẫn đang là nguồn động lực chính. Không có nhiều hoạt động ở Vịnh Hoa Kỳ, cước tiếp tục giảm do nguồn cung tàu dư thừa. Ở Thái Bình Dương, thị trường cũng đang chịu áp lực khi số lượng tàu chờ tăng lên ở Đông Nam Á và Viễn Đông, trong khi nguồn hàng hoá từ Bắc Thái Bình Dương và Indonesia vẫn đang hạn chế. Mảng thuê định hạn cũng giảm do tâm lý thị trường đang không tốt ở thời điểm hiện tại. Ở Đại Tây Dương, có tin một tàu khoảng 38.000 dwt được chốt đi từ Santos chở đường đến Casablanca với giá khoảng 13.250 đô la Mỹ. Tàu **African Swan** (32.776 dwt, đóng 2005) neo ở Safi được chốt đi từ Morocco qua CoGH chạy chuyến fronthead với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Thêm tin một tàu khoảng 38.000 dwt khác được chốt chở hàng từ Bờ Đông Nam Mỹ đến Tây Phi với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ trong khoảng 60 ngày. Ở Viễn Đông, tàu **TS Index** (38.854 dwt, đóng 2018) được chốt đi từ CJK qua Bắc Thái Bình Dương đến Nhật Bản với giá khoảng 12.500 đô la Mỹ. Có tin tàu **Tao Star** (25.064 dwt, đóng 2010) được thuê định hạn khoảng 3-5 tháng, giao tàu ở Viễn Đông (29/11) với giá khoảng 10.500 đô la Mỹ. Phía Đông Nam Á, rất ít

hoạt động được ghi nhận nhưng vẫn còn một vài nhu cầu từ Úc từ giữa đến cuối tháng 12. Một tàu khoảng 28.000 dwt được chốt đi từ Đông Nam Á và trả tàu ở Nam Trung Quốc với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ, cùng lúc có tin tàu khoảng 30.000 dwt neo ở Indonesia được chốt chuyến Đông Nam Á với giá khoảng 10.000-10.300 đô la Mỹ.

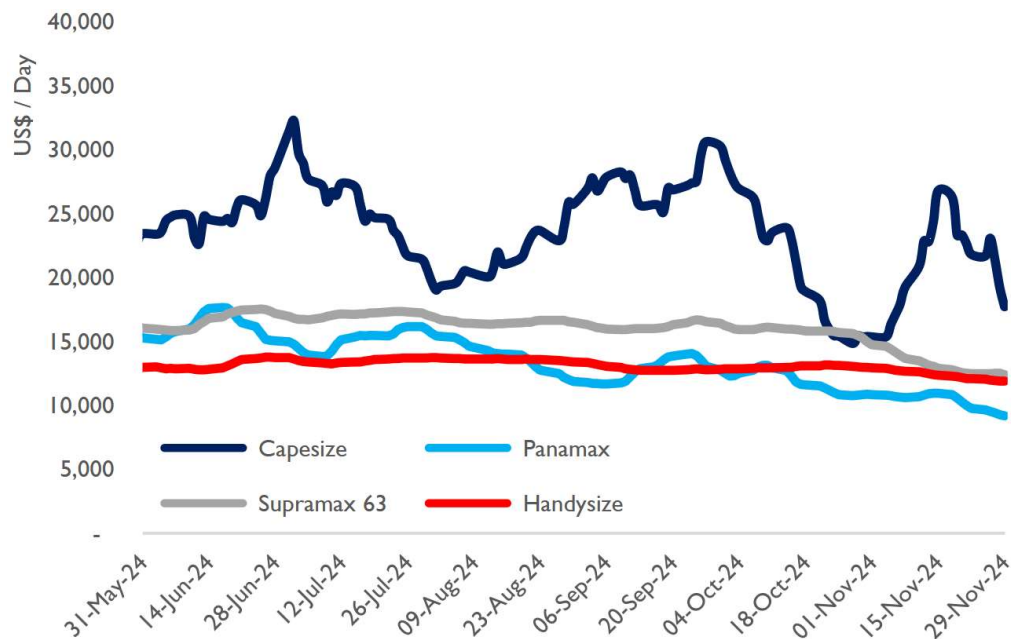
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 48/2024 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 48/2024	TUẦN 47/2024	Mức thấp nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 48)	Mức cao nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 48)
TRANSATLANTIC RV	8,675	9,145	8,675	19,510
TCT CONT/F.EAST	15,245	16,586	15,245	31,123
TCT F.EAST/CONT	5,763	5,919	4,910	8,738
TCT F.EAST RV	10,077	11,607	10,077	19,016
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	15,209	15,209	11,364	20,071
PACIFIC RV	12,575	12,575	8,625	15,656
TCT CONT/F.EAST	19,179	19,179	20,217	27,579

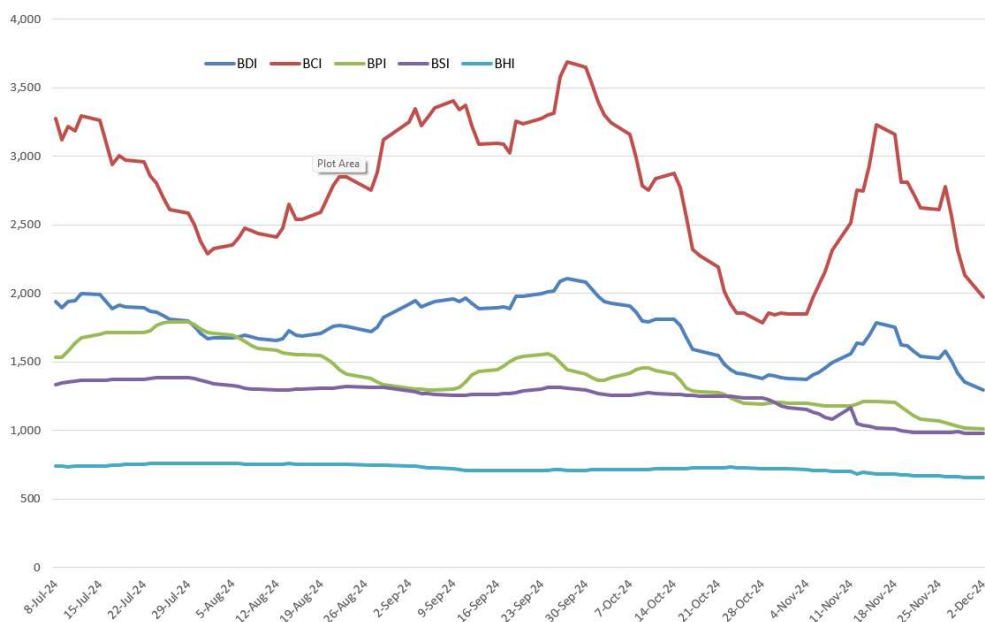
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 02/12/2024

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	10,350	▼	54
HANDIES 38K	11,865	▼	190

(so sánh với giá trị ngày 25/11/2024)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô WTI giao dịch ở ngưỡng 68,16 đô la Mỹ/thùng – tăng 0,09% so với ngày trước đó. Trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 71,83 đô la Mỹ/thùng – giảm 0,01%. Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của tuần, giá dầu gần như đi ngang, chịu tác động bởi 2 yếu tố chính là hy vọng nhu cầu mạnh hơn ở Trung Quốc và sự lo ngại rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ không cắt giảm lãi suất tại cuộc họp giữa tháng. Bên cạnh đó, OPEC+ đã giữ lại 2,2 triệu thùng dầu mỗi ngày trong hơn một năm nay và có thể phải bắt đầu cắt giảm như một chính sách dài hạn. Thị trường vẫn tiếp tục không phản ứng với việc dự định cắt giảm của OPEC+. Thị trường có phần căng thẳng khi Thổ Nhĩ Kỳ phản đối mạnh mẽ lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ đối với khí đốt của Nga, Thổ Nhĩ Kỳ là thị trường khí đốt lớn thứ tư ở châu Âu và Nga là một trong những nhà cung cấp khí đốt chính của quốc gia này, nếu dòng chảy thương mại này dừng lại bởi các lệnh trừng phạt, EU có khả năng mất tới 5% tổng lượng tiêu thụ khí đốt hằng năm.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Các giao dịch tại khu vực Trung Đông có phần tích cực hơn vào đầu tuần, tuy nhiên, số lượng hàng hóa hạn chế vào những ngày đầu tháng 12 khiến cho các hoạt động giao dịch trên thị trường giảm. Do đó, cước trên thị trường vẫn tiếp tục được kiểm soát bởi các bên thuê tàu. Theo ghi nhận, cước trên tuyến MEG/Trung Quốc đã giảm xuống mức WS 45 – giảm 10 điểm so với tuần trước. Cùng chung xu hướng, cước ở khu vực Đại Tây Dương cho tuyến WAFR/Trung Quốc giảm xuống 5 điểm, hiện đang ở mức WS 52.			
	Tuyến done	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	32.296	23.834	↓
USG/Trung Quốc	35.053	34.739	↓	

<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Cước tàu Suezmax tại thị trường Tây Phi đã có một tuần khá ổn định, do sự thúc đẩy mạnh mẽ từ khu vực Địa Trung Hải và USG. Đơn cử, cước trên tuyến Nigeria/UKC đã tăng 11 điểm so với tuần trước và hiện đang ở mức WS 85. Cước trên tuyến đi khu vực Địa Trung Hải hiện không có sự thay đổi, duy trì ở mức WS 91. Tuy nhiên, theo dự đoán, do sự âm ảm của phân khúc VLCC, người thuê có khả năng sẽ điều chỉnh lượng hàng phù hợp, từ đó có thể sẽ làm giảm đà tăng của thị trường tàu Suezmax.</p>																																
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Cùng chung đà tăng mạnh mẽ, phân khúc tàu Aframax tại khu vực Địa Trung Hải đã có một khởi đầu khá tích cực, với hơn 10 chuyến hàng được ký kết chỉ trong ngày thứ hai. Do đó, cước duy trì ổn định xuyên suốt tại khu vực. Đơn cử, cước cho tuyến Ceyhan/Lavera ở mức WS 145 - tăng 8 điểm so với tuần trước. Tuy nhiên, thị trường Biển Bắc và USG khá âm ảm, với cước lần lượt ở mức WS 125 và WS 120 và lượng tàu sẵn có đang ở mức khá nhiều trong khu vực. Đơn cử, cước cho tuyến x-UKC giảm ngay từ đầu tuần và được ký kết ở WS 125.</p>																																
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tuyến done</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>23.627</td> <td>31.077</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>Guyana / UKC</td> <td>23.345</td> <td>24.876</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến done	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	23.627	31.077	↑	Guyana / UKC	23.345	24.876	↑	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tuyến done</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>UKC / UKC</td> <td>30.010</td> <td>29.075</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>Med / Med</td> <td>36.121</td> <td>38.835</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG / Cont</td> <td>26.338</td> <td>22.419</td> <td>↓</td> </tr> <tr> <td>EC Mex / USG</td> <td>15.663</td> <td>9.649</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến done	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước	UKC / UKC	30.010	29.075	↓	Med / Med	36.121	38.835	↑	USG / Cont	26.338	22.419	↓	EC Mex / USG	15.663	9.649	↓
Tuyến done	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước																														
Tây Phi / Cont	23.627	31.077	↑																														
Guyana / UKC	23.345	24.876	↑																														
Tuyến done	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước																														
UKC / UKC	30.010	29.075	↓																														
Med / Med	36.121	38.835	↑																														
USG / Cont	26.338	22.419	↓																														
EC Mex / USG	15.663	9.649	↓																														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Một tuần khá âm ảm với thị trường MR tại khu vực Đông Bắc Á, với ít các hoạt động ký kết được thực hiện. Tâm lý thị trường vẫn không khả quan, tuy nhiên, mức cước vẫn chưa thể xác định rõ ràng do một số ít các hoạt động giao dịch trên thị trường khá trầm lắng. Theo dự báo, thị trường tuần này sẽ không có nhiều biến động tích cực, khi có thêm nhiều tàu tập trung ở khu vực để chuẩn bị cho tuần thứ hai của tháng 12. Bên cạnh đó, cùng chung xu hướng, thị trường MR ở Đông Nam Á cũng trải qua một tuần khá trầm lắng, với rất ít hoạt động được ghi nhận. Tuy vậy, tâm lý thị trường hiện vẫn ổn định, cước trên tuyến Sing/ECA không thay đổi và đang được giữ quanh mức WS 160. Triển vọng thị trường hiện tại vẫn không mấy khả quan, khi dự báo rằng số lượng tàu sẽ tăng lên trong khu vực. Ở khu vực UKC, sau khi cước tăng mạnh vào đầu tuần do số lượng tàu khan hiếm, các hoạt động giao dịch bắt đầu chậm lại dần khiến cho xu hướng thị trường dần yếu đi. Cước trên tuyến Cont/USAC ghi nhận ở mức WS 130. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước ghi nhận tăng mạnh trong tuần, đạt đỉnh ở mức WS 300 vào giữa tuần - tăng hơn WS 100 điểm so với tuần trước đó. Tuy nhiên, sau đà tăng mạnh vào đầu tuần, cước đã giảm đi nhanh chóng, với tuyến Algeria/EU Med hiện ở mức WS 220, với dự báo rằng sẽ có khả năng tiếp tục giảm. Đối với phân khúc MR

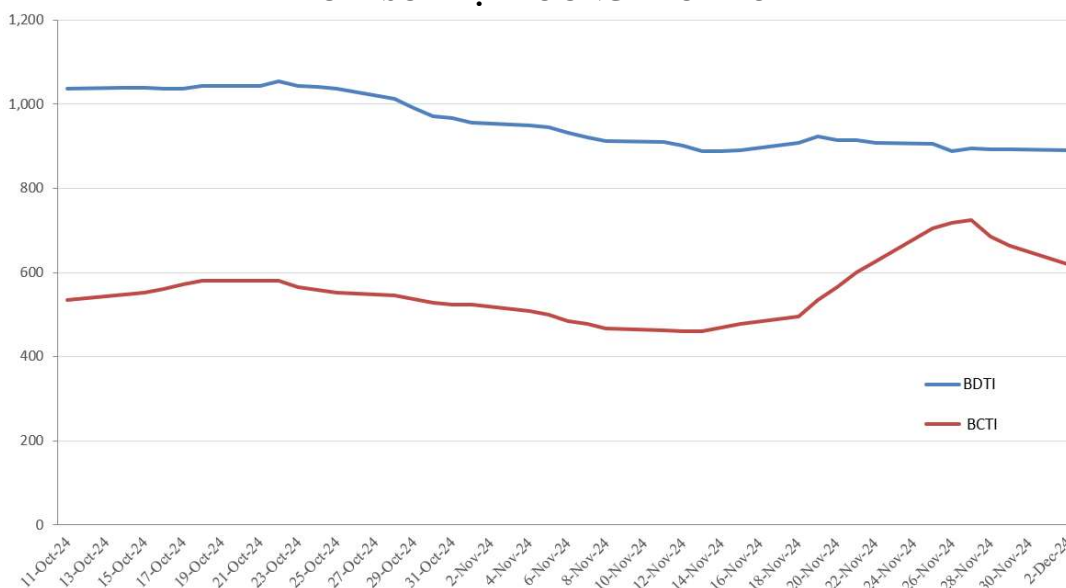
và Handy tại thị trường Bắc Âu, ghi nhận phân khúc Handy khá trầm lắng trong suốt tuần vừa qua, phần lớn các hoạt động chủ yếu chỉ xoay quanh phân khúc MR. Do ảnh hưởng bởi sự ảm đạm của các thị trường khác, cước của phân khúc Handy ở khu vực này có vẻ cũng sẽ điều chỉnh và tiếp tục có xu hướng giảm trong thời gian sắp tới.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch hàng hóa tuần qua trên tuyến ở phía Tây Đại Tây Dương vẫn ở mức trầm lắng. Nguyên nhân do sự thiếu hụt nhu cầu cho các chuyến ngắn hạn trên khu vực cũng như kỳ nghỉ Lễ Tạ ơn tại Hoa Kỳ đang diễn ra. Khối lượng hợp đồng vận chuyển hàng hóa (COA) tiếp tục chiếm phần lớn trong các hoạt động của chủ tàu. Lễ Tạ ơn cũng ảnh hưởng đến các tuyến xuất phát từ Houston, với thị trường Hoa Kỳ đang dần trên đà chậm lại. Tuy nhiên, cước trung bình không có sự thay đổi. Tổng thể, nhu cầu vẫn ổn định trên khu vực và chưa có bất kỳ dự báo nào để đưa ra liệu tháng 12 có thể thu hút thêm nhu cầu hay không. Bên cạnh đó, mức cước từ Châu Á đến Châu Âu và Vịnh Mexico đã giảm 5-10 đô la Mỹ/tấn trong tuần qua do xu hướng trầm lắng của thị trường trên cả 2 tuyến. Các lô hàng nhỏ không đủ tải dẫn đến sự dư thừa không gian hầm hàng của tàu, cùng với đó số lượng tàu hiện vượt quá nhu cầu trong khu vực. Trong khi đó, phân khúc các tàu vận chuyển CPP ở khu vực phía Đông vẫn khá ổn định. Tuy nhiên, thị trường nhìn chung vẫn rất bất ổn, không có dấu hiệu rõ ràng về mức cước sẽ tăng trở lại cho thị trường mùa đông. Cùng chung xu hướng giảm, mức cước vận chuyển dầu đậu nành từ Nam Mỹ đã giảm 2 đô la Mỹ/tấn so với tuần trước theo như các ký kết gần đây nhất. Mặc dù giảm là vậy nhưng số lượng các đơn hàng và nhu cầu vận chuyển cho thị trường này vẫn duy trì ở mức ổn định. Do tâm lý thị trường trầm lắng trên tuyến Châu Á - Châu Âu, mức cước thuê định hạn cho các chuyến hàng dầu cọ giảm nhẹ 875 đô la Mỹ/ngày trong tuần này.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 48/2024			Giá thuê tàu định hạn tuần 47/2024		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,500	47,500	47,000	49,000	48,000	47,000
SUEZMAX	41,500	41,000	39,500	42,000	42,000	40,000
AFRAMAX	39,000	38,000	37,000	39,500	39,000	37,000
LR-2	38,000	38,000	37,000	39,000	38,500	37,000
LR-1	29,500	28,500	28,000	30,500	29,000	29,000
MR	26,500	25,000	23,500	27,000	25,500	23,500
HANDY	23,000	22,000	21,000	24,000	22,500	21,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu đầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	450		470		480	
2	Bangladesh	470		490		500	
3	India	460		480		490	
4	Turkey	330		340		350	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 48/2024

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Jule	Bulker	1997	9,800	Bangladesh	475.00	74,009	Old sale

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU**

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*